

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố công khai số liệu quyết toán thu ngân sách nhà nước,
chi ngân sách địa phương tỉnh Thanh Hóa năm 2012.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (Sửa đổi) ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: “Ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ Ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán Ngân sách địa phương”; Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc: “Ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân”;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính”;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá Khóa XVI, kỳ họp thứ 8 về việc: “Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2012 của tỉnh Thanh Hóa”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương tỉnh Thanh Hóa năm 2012, cụ thể như sau:

(Có các phụ lục chi tiết đính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

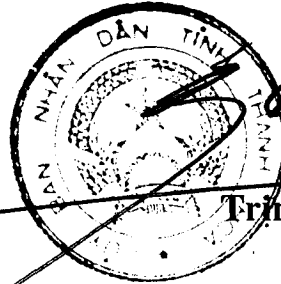
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TH (để báo cáo);
- Các đồng chí PCT UBND tỉnh, ;
- Lưu: VT, KTTT Thn201402 (100).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Văn Chiến

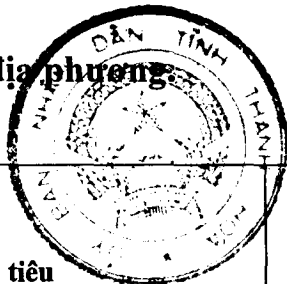
Phụ biểu:
CÔNG BỐ CÔNG KHAI SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỈNH THANH HÓA NĂM 2012.
 (Kèm theo Quyết định số: 4746/2013/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của UBND
 tỉnh Thanh Hóa).

1. Thu ngân sách nhà nước phân chia cho các cấp ngân sách.

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Tổng thu NSNN	Trong đó phân chia các cấp ngân sách			
			NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5
I	Các khoản thu theo dự toán	21.302.612	1.544.618	17.338.173	1.528.447	891.374
1	Thu NSNN trên địa bàn	6.623.053	1.544.618	2.658.614	1.528.447	891.374
1.1	Thu nội địa	5.094.810	16.375	2.658.614	1.528.447	891.374
	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất					
1.2	- Thuế XK, NK, TTĐB, VAT do Hải quan thu	1.528.243	1.528.243			
2	Thu bổ sung từ ngân sách TW	14.679.559		14.679.559		
II	Thu chuyển giao trợ cấp NSDP	11.238.760			8.760.418	2.478.342
III	Thu tiền huy động đầu tư theo K3-Đ8 luật NSNN	444.322	4.322	440.000		
IV	Thu kết dư năm trước	774.547		232.653	259.700	282.194
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	2.714.788		1.726.947	881.083	106.758
VI	Thu hoàn trả giữa các cấp ngân sách	23.942		23.715	227	
VII	Các khoản thu quản lý qua NSNN	1.508.249		1.188.993	96.948	222.308
	Tổng thu NSNN: (I+II+III+IV+V+VI+VII)	38.007.220	1.548.940	20.950.481	11.526.823	3.980.976

2. Chi ngân sách địa phương:



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng chi NSDP	Trong đó Phân chia các cấp ngân sách		
			NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Chi cân đối NSDP	19.814.474	8.307.313	7.983.680	3.523.481
1	Chi đầu tư phát triển	6.437.441	4.135.340	1.068.318	1.233.783
	Trong đó:				
	-Chi Xây dựng cơ bản	6.325.353	4.029.446	1.062.497	1.233.410
	-Chi hỗ trợ DN cung ứng sản phẩm công ích	4.903	4.903		
2	Chi trả nợ (gốc và lãi) theo K3-Đ8 luật NSNN	141.180	141.180		
3	Chi thường xuyên	13.232.623	4.027.563	6.915.362	2.289.698
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	3.230	3.230		
II	Chi chuyển nguồn sang năm sau	2.991.907	2.097.504	726.017	168.386
III	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	11.238.760	8.760.418	2.478.342	
IV	Chi hoàn trả giữa các cấp ngân sách	30.764	5.098	25.439	227
V	Chi từ nguồn thu quản lý qua NSNN	1.398.517	1.188.993	81.040	128.484
	Tổng chi NSDP (I+II+III+IV+V):	35.474.422	20.359.326	11.294.518	3.820.578

3. Chênh lệch thu - chi Ngân sách địa phương.

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Trong đó Phân chia các cấp ngân sách		
			NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSDP.	36.458.280	20.950.481	11.526.823	3.980.976
II	Tổng chi NSDP.	35.474.422	20.359.326	11.294.518	3.820.578
III	Chênh lệch thu – chi (I-II).	983.858	591.155	232.305	160.398